

ALFIA A. RAKOVA & RAY PARROTT
Nhân Văn (biên dịch)

TỪ VỰNG TIẾNG NGA

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN

W-D4/6901



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MỤC LỤC

LỜI TỰA	3
CHƯƠNG 1: TẠI SÂN BAY	
Gặp tại sân bay	5
Kiểm tra	6
Nói chuyện với nhân viên hàng không	6
Lắng nghe các thông báo	8
Thay đổi vé máy bay	9
CHƯƠNG 2: TRÊN MÁY BAY	
Chào đón hành khách lên máy bay	13
Những thông báo trên máy bay	14
An toàn trên máy bay	14
Phục vụ trên máy bay	16
Những từ then chốt	19
CHƯƠNG 3: KIỂM TRA HỘ CHIẾU VÀ THỦ TỤC HẢI QUAN	
Kiểm tra hộ chiếu	22
Thủ tục hải quan	22
Kiểm tra hộ chiếu và thủ tục hải quan	23
Những từ then chốt	23
CHƯƠNG 4: TẠI SÂN GA	
Mua vé	24
Tại sân ga	25
Đợi tàu	25
Kiểm tra hành lý	26
Tại sân ga lên tàu	26
Trên tàu	27
Những từ then chốt	28
CHƯƠNG 5: XE Ô TÔ	
Thuê xe hơi	30
Kiểm tra xe hơi	31
Tại trạm xăng	33
Vài vấn đề thường gặp ở xe hơi	34
Những từ then chốt	34
CHƯƠNG 6: HỎI ĐƯỜNG	
Hỏi đường trong lúc đi bộ	37
Hỏi đường	38
Hỏi đường trong lúc đi xe hơi (hình 6-2)	39
Những từ then chốt	41

CHƯƠNG 7: GỌI ĐIỆN THOẠI

Gọi điện thoại trong vùng	42
Gọi điện thoại đường dài	43
Sử dụng điện thoại công cộng	43
Nói chuyện qua điện thoại	43
Vài trục trặc khi gọi điện thoại	44
Những từ then chốt	46

CHƯƠNG 8: PHƯƠNG TIỆN CÔNG CỘNG

Các loại phương tiện công cộng	48
Tại trạm xe buýt (xe buýt 2 tầng, xe điện)	49
Trên xe buýt (tàu điện, xe điện)	50
Bảng thông báo (xe buýt, tàu điện, xe điện)	50
Tại xe điện ngầm	51
Bảng thông báo	52
Xe taxi	52
Những từ then chốt	53

CHƯƠNG 9: TẠI KHÁCH SẠN

Đăng ký	55
Tại khách sạn	56
Nói chuyện với người dọn phòng	58
Vài vấn đề bạn có thể gặp phải	59
Trả phòng	60
Những từ then chốt	63

CHƯƠNG 10: TẠI NHÀ BĂNG

Đổi tiền	66
Đổi tiền	67
Tài khoản tiết kiệm	68
Tài khoản vãng lai	68
Vay tiền	69
Các từ then chốt	70

CHƯƠNG 11: TẠI BƯU ĐIỆN

Gửi thư	72
Gửi kiện hàng	74
Những từ vựng khác có thể cần thiết	74
Các từ then chốt	75

CHƯƠNG 12: TẠI TIỆM UỐN TÓC

Nam giới	76
Nữ giới	77
Các từ then chốt	78

CHƯƠNG 13: TẠI CỬA HÀNG QUẦN ÁO

Mua giấy	79
----------	----

Mua quần áo nam giới	81
Mua quần áo nữ giới	83
Các từ then chốt	85
CHƯƠNG 14: TẠI TIỆM GIẶT ỦI	87
CHƯƠNG 15: TẠI NHÀ HÀNG	
Tại bàn ăn	89
Xem thực đơn	90
Gọi món thịt hay thịt heo	91
Gọi món cá hay đồ biển	93
Vài vấn đề có thể gặp	93
Nhận hóa đơn	94
Các từ then chốt	95
CHƯƠNG 16: CỬA HÀNG THỨC ĂN	
Các loại cửa hàng	99
Nói chuyện với người bán	99
Các từ then chốt	101
CHƯƠNG 17: TẠI CHỢ CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN	
Đến chợ	103
Mua hàng ở chợ	104
Các từ then chốt	105
CHƯƠNG 18: TẠI NHÀ	107
CHƯƠNG 19: TẠI VĂN PHÒNG BÁC SĨ	
Khám cơ thể	124
Các bộ phận thiết yếu (hình 19-1 và 19-2)	124
Tôi bị tai nạn (hình 19-3)	126
Các từ then chốt	128
CHƯƠNG 20: TẠI BỆNH VIỆN	
Nhập viện	132
Phòng cấp cứu (hình 20-1)	132
Khoa phẫu thuật (hình 20-2)	133
Phòng hồi sức	134
Phòng sanh	135
Các từ then chốt	136
CHƯƠNG 21: TẠI RẠP HÁT VÀ RẠP CHIẾU PHIM	
Xem chương trình biểu diễn	138
Quầy bán vé (hình 21-1)	138
Tại rạp chiếu phim	140
Các từ then chốt	140
CHƯƠNG 22: THỂ THAO	
Trượt tuyết băng đồng	142
Đá banh (hình 22-1)	142

Môn khúc côn cầu	143
Các từ then chốt	144
CHƯƠNG 23: THỜI TIẾT	
CHƯƠNG 24: GIÁO DỤC	
Trường tiểu học	150
Trường trung học	150
Dại học	151
Các từ then chốt	153
CHƯƠNG 25: CHÍNH PHỦ VÀ CHÍNH TRỊ	
Tổ chức chính trị	155
Quyền con người	156
Qui trình	156
Các từ then chốt	158
CHƯƠNG 26: TỘI PHẠM	
Trạm cảnh sát	161
Các từ then chốt	161
CHƯƠNG 27: KINH DOANH	
Tiếp thị	164
Tài chánh	164
Các từ then chốt	165
CHƯƠNG 28: VI TÍNH	
Các phần máy vi tính (hình 28-1 và 28-2)	167
Chức năng máy vi tính	167
Nhiều chức năng máy tính khác (hình 28-4)	169
Vài thuật ngữ hữu ích về máy vi tính	170
Các từ then chốt	171
Phụ lục 1: Ngày trong tuần	173
Phụ lục 2: Tháng trong năm và ngày tháng	174
Phụ lục 3: Thời gian và thành ngữ thời gian	175
Phân chia thời gian	175
Những thành ngữ thời gian quan trọng khác	176
Phụ lục 4: Con số	177
TRẢ LỜI CÁC BÀI TẬP	180
MỤC LỤC	241